TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 176/2023/DS-ST
Ngày: 26-7-2023
"Về tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hùng.

Ông Nguyễn Thị Tuyết Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 599/2023/TLST-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 và và quyết định hoãn phiên toà số 198/2023/QĐST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị H**, sinh năm 1958;

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1994, đại diện theo uỷ quyền (Theo văn bản uỷ quyền đề ngày 03/7/2023, có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn Bà **Thạch Thị Sa N**, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Nơi ĐKTT: Ấp Tr, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Tr1, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Nguyên đơn có tham gia 01 phần hụi do bà Thạch Thị Sa N làm đầu thảo, loại hụi 3.000.000 đồng, thỏa thuận lời nói ai kêu thăm cao thì hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 900.000 đồng, có 15 phần hụi, **dây hụi số 35**, hụi mở ngày 10/3/2020, 01 tháng khui hụi 02 lần. Trong dây hụi bà N ghi bà H tên "Hãy H". Hụi khui được 06 kỳ thì bà N không khui hụi tiếp và cho rằng vỡ hụi. Nguyên đơn đã đóng hụi sống cho bà N 06 lần với số tiền là 7.350.000 đồng. Mỗi lần khi bà H đóng hụi thì bà N có viết trên mẫu giấy tập học sinh tính toán số tiền từng dây hụi thì bà H đóng đúng số tiền bà N đã ghi. Khi làm đơn khởi kiện nguyên đơn tính toán nhầm nên khởi kiện ghi trong đơn số tiền 7.390.000 đồng là không chính xác.

Tại phiên toà hôm nay đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã đóng hụi là 7.350.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Thạch Thị Sa N vắng mặt không có lời trình bày.

Đối với bị đơn bà Thạch Thị Sa N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa xét xử, nên Tòa án không lấy lời khai của bị đơn được và bị đơn cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

Vì vậy Tòa án không kết luận được những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt không có lý do tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Thạch Thị Sa N có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị H số tiền là 7.350.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Thạch Thị Sa N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền hụi là 7.350.000 đồng là có thật mặc dù các bên không có lập thành hợp đồng nhưng bị đơn có lập danh sách hụi và giao cho nguyên đơn giữ, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc các bên thực hiện hợp đồng góp hụi bằng lời nói là phù hợp quy định tại Điều 119 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà H đã chứng minh được yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ bằng lời khai của những người làm chứng cùng tham gia trong hụi này do bà N làm đầu thảo và danh sách hụi viên thể hiện được bà H đã đóng hụi sống cho bà N 06 lần với số tiền là 7.350.000 đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là thực hiện đúng quyền của hụi viên được quy định tại Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*". Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Đối với bị đơn Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên toà sơ thẩm; yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn cố tình né tránh và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 94, 95, 96, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 119, 429, khoản 2 Điều 468, 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*";

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị H.

Buộc bà Thạch Thị Sa N có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị H số tiền là 7.350.000 đồng (*Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Thạch Thị Sa N phải chịu là 367.500 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do nguyên đơn được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, nên Toà án không xử lý tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân